

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

-----*-----

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 3 năm 2017

V/v " ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----*-----

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
- Các hội thẩm nhân dân:
 - 1. Ông Huỳnh Thanh Trà
 - 2. Ông Huỳnh Tiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 272/2017/TLST-HNGĐ ngày 31.10.2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04.01.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20.02.2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Mỹ Kim T** - Sinh năm: 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường F, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân K** - Sinh năm: 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Xuân K kết hôn với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường Q,

phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 1992 vợ chồng chuyển về sống tại đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng cho đến nay.

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2008. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà không hợp nhau trong cách sống, cách nuôi dạy con và cả cách làm ăn kinh tế. Bản thân ông K nhiệm thối bài bạc số đề, thiếu trách nhiệm, không góp tiền để sinh hoạt, nuôi con, cũng như lo việc lớn, việc nhỏ trong gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên bảo ông K về chăm lo cho gia đình nhưng ông K vẫn không thay đổi. Trong suốt 20 năm qua, một mình bà vừa phải kiếm tiền nuôi con ăn học vừa chăm lo cho gia đình, xây dựng nhà cửa, vừa phải chu toàn quan hệ giữa gia đình nội ngoại cũng như các quan hệ xã hội khác mà không được ông K động viên, quan tâm, giúp đỡ về mặt kinh tế. Do mâu thuẫn nên ngày 08.10.2016 bà và con gái ra thuê phòng khách sạn tại địa chỉ: đường E, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng sống. Đến đầu tháng 11.2016 hai mẹ con bà chuyển về thuê nhà tại đường F, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng để sống riêng cho đến nay. Trước đây mặc dù sống chung trong một nhà nhưng vợ chồng đã tự sống riêng mỗi người một phòng không ai quan tâm đến ai từ năm 2008 và chính thức đến tháng 10.2016 bà ra thuê nhà và vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vợ chồng không gặp nhau. Ngày 02.12.2016 em gái ông K là bà Nguyễn Thị Như M đến cơ quan bà thực hiện hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm bà có sự chứng kiến của đồng nghiệp bà, cơ quan bà có camera ghi lại hình ảnh, liền sau đó em ông K tiếp tục đến nhà cha mẹ ruột của bà để xúc phạm bà. Ngày 22.02.2017 ông K và em gái ông K tiếp tục đến nơi bà đang tạm trú cùng con gái để la lối xúc phạm danh dự của bà. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng của bà đối với ông K không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K.

- *Về con chung*: Vì chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 22.11.1990 và Nguyễn Hoàng U, sinh ngày 18.7.1994. Khi ly hôn, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Xuân K trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông K thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T về thời điểm và nơi đăng ký kết hôn, nơi chung sống sau khi kết hôn. Vợ chồng ông bà trước khi đi đến hôn nhân đã tìm hiểu nhau trong thời gian 05 năm rồi đi đến kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng đã sống chung như bà T trình bày. Vợ chồng ông sống hạnh phúc mặc dù có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống chứ không có gì trầm trọng. Trước năm 2010 ông vẫn giao tiền lương (trung bình khoảng 4.000.000 đồng/tháng) cho vợ ông để chi phí sinh hoạt cho gia đình. Sau năm

2010 do ông làm ngoài (công ty tư nhân) nên lương không ổn định chỉ đủ để lo cho con học đại học, chi phí sinh hoạt trong gia đình do ông trực tiếp chi trả mà không đưa cho vợ ông như trước. Việc ông trực tiếp chi trả như vậy là do vợ ông yêu cầu. Bà T nói ông không có trách nhiệm với gia đình, không lo chi phí sinh hoạt chung trong gia đình là không đúng. Vợ chồng sống cùng một nhà nhưng đến năm 2014 sau khi vợ chồng xây dựng lại nhà có phòng riêng nên ông và bà T ở riêng mỗi người một phòng vì bà T hay dùng nước hoa ông không chịu được mùi nước hoa, ông ngủ hay ngáy nên bà T không ngủ được và sống như thế cho đến bây giờ chứ không phải do vợ chồng mâu thuẫn. Bà T cho rằng vợ chồng ly thân 10 năm nay là không đúng. Bà T ra ngoài thuê khách sạn và thuê nhà để sống riêng ông không biết lý do. Ông nhiều lần khuyên bà T về nhà sống nhưng bà T không đồng ý. Việc bà T trình bày em gái ông đến cơ quan, nhà cha mẹ bà T và nơi bà T tạm trú để la lối bà T là có, ông sẽ khuyên em ông không làm thế nữa. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà T nên ông mong Tòa án giải quyết cho ông được đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 22.11.1990 và Nguyễn Hoàng U, sinh ngày 18.7.1994. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, hơn nữa hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T đối với ông Nguyễn Xuân K.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T được ly hôn đối với ông Nguyễn Xuân K.

* *Về con chung*: Hai con chung của ông K và bà T là Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 22.11.1990 và Nguyễn Hoàng U, sinh ngày 18.7.1994 đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T đối với ông Nguyễn Xuân K, HĐXX thấy: Bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T và ông Nguyễn Xuân K tự nguyện kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của bà T thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bà không hợp nhau trong cách sống. Bản thân ông K thường bài bạc số đề, thiếu trách nhiệm, không góp tiền để sinh hoạt, nuôi con. Trước đây mặc dù sống chung trong một nhà nhưng vợ chồng đã tự sống riêng mỗi người một phòng không ai quan tâm đến ai từ năm 2008 và chính thức đến tháng 10.2016 bà ra thuê nhà sống riêng, vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng của bà đối với ông K không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K.

Ông K thì cho rằng Vợ chồng ông sống hạnh phúc mặc dù có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống chứ không có gì trầm trọng. Trước năm 2010 ông vẫn giao tiền lương cho vợ ông để chi phí sinh hoạt cho gia đình. Sau năm 2010 do ông làm công ty tư nhân nên lương không ổn định chỉ đủ để lo cho con học đại học, chi phí sinh hoạt trong gia đình do ông trực tiếp chi trả mà không đưa cho vợ ông như trước. Việc ông cờ bạc, chơi số đề và không có trách nhiệm với gia đình như bà T trình bày là không đúng. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà T nên ông mong Tòa án giải quyết cho ông được đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T HĐXX thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông K đều phủ nhận những ý kiến của bà T trình bày về mâu thuẫn của vợ chồng dẫn đến bà T làm đơn ly hôn. Tuy nhiên căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng ông bà đã mâu thuẫn từ nhiều năm nay như: Bản nhận xét đảng viên về tham gia sinh hoạt với cấp ủy nơi cư trú hằng năm của bà T; Biên bản do Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của ông bà; Đặc biệt là các đơn trình bày ngày 15.12.2016 và ngày 20.12.2016 của con gái ông bà là Nguyễn Hoàng U; Đơn trình bày ngày 01.03.2017 của con trai ông bà là Nguyễn Hoàng Th và lời cháu Th xin trình bày trước phiên tòa đều thể hiện mâu thuẫn của cha mẹ mình đã xảy ra từ rất nhiều năm nay, tuy ông K bà T sống chung một nhà nhưng phần ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai, ông K vẫn mua vé số với số lượng lớn từ trước cho đến nay. Mặc dù không mong muốn cha mẹ phải ly hôn nhưng

cả hai con chung của ông bà đều cho rằng việc bà T và ông K quay về sống chung là không thể, việc chung sống một nhà của hai người là không hạnh phúc sẽ làm cho bệnh của bà T nặng thêm. Trước đây mẹ của các cháu cũng nhiều lần đặt vấn đề ly hôn nhưng ba không đồng ý, do các con còn nhỏ nên mẹ lại không nộp đơn, nhưng đến nay các con đã trưởng thành có thể tự lo cho bản thân nên mong muốn của cả hai con chung là đề nghị tòa giải quyết cho bà T được ly hôn với ông K để bà T ra ở riêng có thời gian chữa bệnh. Ngoài ra, theo lời trình bày của cháu Th tại phiên tòa thể hiện rất rõ mâu thuẫn giữa cha mẹ từ khi ba mẹ sống chung đến khi mẹ cháu nộp đơn khởi kiện tại tòa án đề xin ly hôn, ba cháu đã đối xử rất tệ với mẹ cháu, đưa cô tới nơi ở và nơi làm việc của mẹ để la lối, chửi mẹ cháu.

Do mâu thuẫn nên đến tháng 10.2016 bà T ra thuê nhà sống riêng, vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, ông K có mong muốn đoàn tụ nhưng ông không đưa ra phương án gì để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng do ông cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn đồng thời qua đơn trình bày của bà T thể hiện gia đình ông K đã hai lần đến cơ quan nơi công tác của bà T và nơi ở của bà T để xúc phạm bà T, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nơi công tác của bà T xác nhận là đúng như lời trình bày trong đơn của bà T. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

* *Về con chung*: Hai con chung của ông K và bà T là Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 22.11.1990 và Nguyễn Hoàng U, sinh ngày 18.7.1994 đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: bà T và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

Quyết định

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.
- Điểm khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T đối với ông Nguyễn Xuân K.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: cho Bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân K.

2. Về con chung: Hai con chung của ông K và bà T là Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 22.11.1990 và Nguyễn Hoàng U, sinh ngày 18.7.1994 đã trên 18 tuổi, bà T và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T đã nộp tại biên lai thu số 0005427 ngày 26.10.2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T, bị đơn là ông Nguyễn Xuân K có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Hải Châu;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- UBND phường N, quận P, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Thuỳ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Thanh Trà Huỳnh Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Thùy

Nội nh^ĩ:

- C, c đư^ơng sù
- VKS H^ài Ch^{âu}
- Chi cục thi hành án dân sự
quận Hải Châu.
- UBND phường Vĩnh Trung
Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
- Lưu hồ s^ơ

**TM. H^ài s^ơNG XĐT X^ơ
Th^{êm} ph^u,n - Ch^ữ t^ảa ph^u,n t^ảa**

Nguyễn Thị Ngọc Thuú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thanh Trà

Lê Phú Cường

Nguyễn Thị Ngọc Thùy

Nơi nhận:

TM. Hội đồng Xét Xử

- C, c đư-*ng* sù
- VKS H^ài Ch^u
- Lưu h^ả s^ơ

Thêm ph, n - Ch^ữ t^ả phi^{ên} t^ả

Nguy^{ên} Th^ị Ng^àc Thu^ý